

CHUYÊN ĐỀ SỐ 7 (THÁNG 12/2017)

PHỔ BIẾN KIẾN THỨC

TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM

An toàn lao động



CHUYÊN ĐỀ PHỔ BIẾN KIẾN THỨC

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

TS Phan Tùng Mậu
*Phó Chủ tịch Liên hiệp các
Hội Khoa học & Kỹ thuật
Việt Nam*

BAN BIÊN TẬP

Đặng Vũ Cảnh Linh
Phạm Thị Bích Hồng
Nguyễn Minh Thuận
Trần Mạnh Hùng

Trình bày: **DUY ANH**

**Chuyên đề Phổ biến
kiến thức số 7 (tháng 12/2017)**

Mọi thông tin phản hồi
về nội dung xin liên hệ
Ban Truyền thông và
Phổ biến kiến thức

Địa chỉ: 53 Nguyễn Du, Hà Nội

Điện thoại: (024) 39439821

Fax: (024) 3.8227593

Email:

bichhongvusta@gmail.com;

thuanminhanh@gmail.com

Số này

GÓC CHUYÊN GIA

Thực trạng quy định và
thực hiện pháp luật về
an toàn, vệ sinh lao động
ở Việt Nam **.3 - 4**

CẨM TAY CHỈ VIỆC

Lưu ý khi sử dụng
máy móc, thiết bị **.12**

HỎI - ĐÁP KHOA HỌC

Đối tượng áp
dụng Luật An
toàn, Vệ sinh
Lao động **.16**

Huấn luyện
an toàn, vệ
sinh lao
động **.19**



TIN TỨC - SỰ KIỆN

Đổi thoại chính sách,
pháp luật về An toàn vệ
sinh lao động. **.24**

Thực trạng quy định và thực hiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động ở Việt Nam

Thời gian qua, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động đã được xác định là giải pháp chủ yếu, đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động.

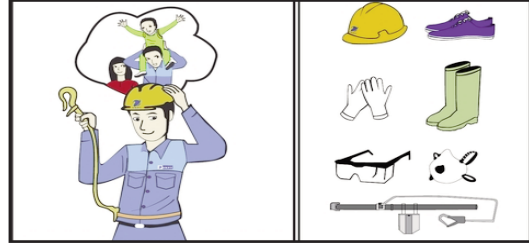
Những kết quả đạt được

Các chương trình quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động giai đoạn 2006 - 2010 và giai đoạn 2011 - 2015 đều có nội dung và nhiều hoạt động tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật lao động đã được các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan thông tin truyền thông triển khai thực hiện với nhiều hình thức phong phú, đa dạng...

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thi hành pháp luật an toàn, vệ sinh lao động được củng cố và tăng cường. Đã hình thành hệ thống thanh tra nhà nước chuyên ngành về lao động với hơn 400 thanh tra viên từ trung ương đến địa phương, trong đó nội dung thanh tra an toàn, vệ sinh lao động được chú ý triển khai. Một số địa phương đã tăng cường lực lượng thanh tra viên lao động có chuyên môn về an toàn, vệ sinh lao động, tăng cường thanh tra tới cấp huyện. Từng bước đổi mới hình thức thanh tra như cử thanh tra viên phụ trách vùng, thực hiện chế độ doanh nghiệp tự kiểm tra.

Bất cập, hạn chế

Thứ nhất, việc ban hành các văn bản dưới luật còn chậm, làm ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện ở các



cơ quan quản lý các cấp, các đơn vị doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh. Việc tiếp thu và thực hiện các điều ước, công ước quốc tế, đặc biệt là các công ước của Tổ chức Lao động quốc tế còn chưa kịp thời.

Thứ hai, nội dung an toàn, vệ sinh lao động hiện đang được quy định trong nhiều văn bản luật và nhiều văn bản do Chính phủ, các bộ, ngành ban hành. Hệ thống pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động vì vậy tuy khá đầy đủ nhưng còn chồng chéo, phân tán, gây khó khăn cho việc tổ chức thực hiện. Sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong một số công tác an toàn, vệ sinh lao động chưa tốt cũng làm cho việc thực thi chính sách về an toàn, vệ sinh lao động kém hiệu quả như: sự phối hợp giữa cơ quan lao động với cơ quan tài chính, y tế, kế hoạch và đầu tư trong việc cấp phép đầu tư; sự phối hợp giữa ngân hàng với cơ quan thanh tra trong thủ tục cưỡng chế qua tài khoản đối với cơ sở bị xử phạt vi phạm hành chính về pháp luật an toàn, vệ sinh lao động...

Thứ ba, hệ thống quy chuẩn kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động chậm được rà soát chuyển đổi và ban hành để đáp ứng yêu cầu sản xuất, phát triển công nghệ, vật liệu mới. Đa số tiêu chuẩn về an toàn, vệ sinh lao





động của nước ta được ban hành từ những năm 1980, 1990, thậm chí nhiều tiêu chuẩn ban hành từ những năm 1970 đến nay vẫn chưa được nghiên cứu, chỉnh sửa.

Thứ tư, Bộ luật Lao động hiện nay chỉ điều chỉnh, áp dụng đối với hoạt động lao động có quan hệ lao động giữa người lao động làm công ăn lương với người sử dụng lao động và các quan hệ xã hội khác có liên quan trực tiếp với quan hệ lao động. Trong khi đó, công tác an toàn, vệ sinh lao động liên quan đến cả những đối tượng không thuộc phạm vi trên.

Thứ năm, chế tài xử phạt chưa đủ sức răn đe làm cho doanh nghiệp và người lao động nhiều khi có tâm lý coi thường pháp luật.

Thứ sáu, công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật lao động chưa được chú trọng tiến hành thường xuyên. Nhiều địa phương thường chỉ tập trung tổ chức vào thời điểm Bộ luật Lao động hoặc văn bản pháp luật mới ban hành. Đối tượng được tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật còn hạn hẹp, vẫn còn một số lượng không nhỏ người lao động trong các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ, doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa hiểu biết về các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động, chưa nắm rõ được quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình.

Thứ bảy, số lượng thanh tra viên lao động còn rất thấp, mới chỉ đạt khoảng 40% yêu cầu so với số doanh nghiệp. Với số lượng thanh tra viên hiện có, mỗi năm chỉ thanh tra được 3,4% tổng số doanh nghiệp. Năng lực thanh tra viên lao động chưa đồng đều giữa trung ương và địa phương, giữa các địa phương với nhau. Trong khi thanh tra an toàn, vệ sinh lao động là nội dung chủ yếu của công tác thanh tra lao động thì số thanh tra viên có chuyên môn, kiến thức về an toàn, vệ sinh lao động chiếm tỷ lệ thấp, mới chỉ đạt khoảng 30%.

Thứ tám, các doanh nghiệp chưa thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo tai nạn lao động, an toàn, vệ sinh lao động theo quy định. Dữ liệu thông tin về điều tra, thống kê an toàn, vệ sinh lao động và tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, các hình thức sở hữu và toàn xã hội chưa có độ chính xác, tin cậy cao.

Nguyên nhân

Thứ nhất, các ngành chức năng ở trung ương cũng như địa phương chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác bảo hộ lao động, an toàn, vệ sinh lao động, cũng như chưa thấy hết được tác hại và hậu quả xã hội nghiêm trọng của việc không đảm bảo các điều kiện lao động, vì vậy chưa có sự quan tâm đúng mức đến việc hoàn thiện pháp luật, tổ chức nghiên cứu, xây dựng hệ thống quy chuẩn kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, thay đổi về công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thứ hai, hiệu lực và hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động còn hạn chế.

Thứ ba, các quy định trong Bộ luật Lao động hiện nay chủ yếu tập trung vào những yêu cầu đối với người sử dụng lao động, người lao động, các cơ quan quản lý và chế độ, chính sách cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Trong khi đó, có nhiều nội dung quan trọng về an toàn, vệ sinh lao động chưa được quy định hoặc cần quy định chi tiết mới thực hiện được như đối tượng tượng điều chỉnh; tổ chức quản lý an toàn, vệ sinh lao động; quỹ bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; phát triển và quản lý hoạt động các dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động; tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn, vệ sinh lao động...

BBT

Những điểm mới của Luật An toàn, Vệ sinh Lao động năm 2015

So với phạm vi điều chỉnh của Bộ luật Lao động năm 2012, Luật An toàn, Vệ sinh Lao động (ATVSLĐ) quy định bao quát nhưng cũng cụ thể hơn các hoạt động về ATVSLĐ; ngoài quy định về các biện pháp bảo đảm ATVSLĐ, còn quy định về tổ chức công tác ATVSLĐ trong cơ sở sản xuất - kinh doanh, chế độ bảo hiểm tai nạn lao động (TNLĐ), bệnh nghề nghiệp (BNN)...

Các biện pháp phòng chống các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại cho NLĐ

- Thông tin, tuyên truyền, giáo dục về ATVSLĐ

Ngoài trách nhiệm của người sử dụng lao động (NSDLĐ) như trong Bộ luật Lao động quy định mục này bổ sung nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình trong việc tuyên truyền, vận động xóa bỏ hủ tục, thói quen mất vệ sinh, gây hại, nguy hiểm cho sức khỏe bản thân và cộng đồng trong quá trình lao động; trách nhiệm của UBND các cấp trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện thông tin, tuyên truyền, giáo dục về ATVSLĐ cho NLĐ làm việc không theo hợp đồng lao động tại địa phương.

Vấn đề này cũng quy định trách nhiệm phải tham dự khóa huấn luyện về ATVSLĐ của người quản lý phụ trách ATVSLĐ, người làm công tác ATVSLĐ, người làm công tác y tế, an toàn, vệ sinh viên trong cơ sở sản xuất-kinh doanh (SX-KD); trách nhiệm huấn luyện cho NLĐ, trên cơ sở giao quyền cho NSDLĐ chủ động tổ chức huấn luyện, kể cả đối với người làm nghề, công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ; trách nhiệm của Nhà nước trong việc hỗ trợ học phí cho NLĐ làm việc không theo hợp đồng lao động khi tham gia khóa huấn luyện ATVSLĐ; điều kiện hoạt động của tổ chức huấn luyện, việc huấn luyện, tự huấn luyện.

- Nội quy, quy trình và các biện pháp bảo đảm ATVSLĐ tại nơi làm việc

Vấn đề này đưa ra các giải pháp về tổ chức, kỹ thuật tổng



thể nhằm phòng ngừa TNLĐ, BNN, thông qua trách nhiệm của NSDLĐ, NLĐ đối với công tác ATVSLĐ. Mục này gồm các quy định được chi tiết từ Bộ luật Lao động, đồng thời bổ sung thêm các quy định về kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, có hại, nguyên tắc cải thiện điều kiện lao động, xây dựng văn hóa an toàn lao động.

- Chế độ bảo hộ lao động, chăm sóc sức khỏe NLĐ

Nội dung quy định trong vấn đề này hướng tới các biện pháp quản lý liên quan trực tiếp tới quyền của NLĐ gồm các quy định được chi tiết từ Bộ luật Lao động, đồng thời bổ sung thêm quy định về nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, giới hạn thời gian tiếp xúc với các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại, điều dưỡng phục hồi sức khỏe và việc quản lý sức khỏe NLĐ.

- Quản lý máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ

Vấn đề này được thống nhất trong mối quan hệ quản lý máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ quy định tại Bộ luật Lao động, Luật Hóa chất và Luật Chất lượng Sản phẩm, Hàng hóa; quy định rõ việc bảo đảm an toàn cho NLĐ qua áp dụng các biện pháp kỹ thuật (kiểm định, bảo dưỡng) và các biện pháp quản lý (khai báo, lập và lưu giữ hồ sơ kỹ thuật).



Các biện pháp xử lý sự cố kỹ thuật gây mất ATVSLĐ và TNLĐ, BNN

- Khai báo, thống kê, báo cáo, điều tra sự cố kỹ thuật gây mất ATVSLĐ, TNLĐ, BNN

Các quy định tại vấn đề này được chi tiết từ các quy định tại Bộ luật Lao động, đồng thời bổ sung quy định sau: Trách nhiệm khai báo của gia đình nạn nhân hoặc người phát hiện TNLĐ chết người hoặc bị thương nặng đối với NLĐ làm việc không theo hợp đồng lao động; trách nhiệm của UBND cấp huyện, cấp xã trong việc thống kê, báo cáo TNLĐ; trách nhiệm của Bộ Y tế trong việc gửi kết quả tổng hợp tình hình BNN về Bộ LĐ-TB&XH.

Trách nhiệm của NSDLĐ đối với người bị TNLĐ, BNN

Vấn đề này quy định về trách nhiệm của NSDLĐ đối với người bị TNLĐ, BNN, được chi tiết từ các quy định tại Bộ luật Lao động. Đặc biệt, vấn đề này cũng được bổ sung, làm rõ các trường hợp không được hưởng chế độ từ NSDLĐ khi bị TNLĐ, nếu nguyên nhân xảy ra tai nạn xuất phát từ mâu thuẫn của chính nạn nhân với người gây ra tai nạn hoặc do NLĐ cố ý tạt hủy hoại sức khỏe của bản thân, sử dụng ma túy và chất gây nghiện khác trái với quy định pháp luật.

- *Chế độ bảo hiểm TNLĐ, BNN*

Để đảm bảo tính đồng bộ, tránh có sự tản mạn quy định về ATVSLĐ tại nhiều văn bản pháp luật khác nhau, toàn bộ nội dung Quỹ bảo hiểm TNLĐ, BNN từ Mục 3 Chương III của Luật BHXH sang Luật này, đồng thời quy định rõ việc thu, chi và quản lý quỹ vẫn do cơ quan BHXH thực hiện.

Vấn đề này bổ sung thêm các nội dung chi hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro về TNLĐ, BNN; quy định rõ Quỹ bảo hiểm trả phí khám giám định thương tật, bệnh tật do TNLĐ, BNN đối với các trường hợp đủ điều kiện hưởng (bao gồm cả chi phí giám định lần đầu, nếu suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên; chi phí này trước đây do NSDLĐ trả). Nội dung phòng ngừa trong công tác



ATVSLĐ phù hợp Công ước số 187 của ILO về cơ chế tăng cường công tác ATVSLĐ.

Bảo đảm ATVSLĐ đối với một số lao động đặc thù

Vấn đề này quy định những trường hợp phải áp dụng bổ sung thêm những quy định về ATVSLĐ, ngoài quy định tại Chương II, Chương III của Luật này (bao gồm: NLĐ nữ, lao động chưa thành niên, lao động là người khuyết tật, lao động là người cao tuổi; ATVSLĐ tại nơi làm việc có nhiều NLĐ thuộc nhiều NSDLĐ cùng làm việc); hoặc các quy định khác biệt được áp dụng riêng cho các nhóm lao động đặc thù (bao gồm: lĩnh vực cho thuê lại lao động; NLĐ Việt Nam được cử đi làm việc ở nước ngoài; lao động là người giúp việc gia đình; lao động nhận công việc về làm tại nhà; học sinh, sinh viên, người học nghề, tập nghề, thử việc).

Bảo đảm ATVSLĐ đối với cơ sở SX-KD

Quy định trong vấn đề này được pháp điển hóa từ những quy định, hướng dẫn tại các văn bản dưới luật, bổ sung quy định về đánh giá rủi ro về ATVSLĐ và kế hoạch ứng cứu khẩn cấp. Nội dung kế hoạch ứng cứu khẩn cấp liên quan đến khắc phục sự cố mất ATVSLĐ trong quá trình lao động được xem xét phù hợp với các quy định có liên quan trong các luật khác...

Các nội dung về xây dựng bộ máy làm công tác ATVSLĐ được tổng hợp từ thực tiễn áp dụng luật pháp tại các doanh nghiệp, cơ sở SX-KD của Việt Nam, đồng thời tham khảo quy định, thông lệ của quốc tế và các nước trong khu vực đang làm tốt công tác ATVSLĐ như Nhật Bản, Hàn Quốc...

Quản lý nhà nước về ATVSLĐ

Vấn đề này có quy định mới về việc thành lập Hội đồng quốc gia về ATVSLĐ, Hội đồng ATVSLĐ cấp tỉnh và cơ chế phối hợp về ATVSLĐ.

BÙI ĐỨC NHƯỠNG
(Cục An toàn Lao động,
Bộ LĐ-TB&XH)



Biện pháp bảo vệ người lao động chống lại rủi ro

Người lao động có trách nhiệm sử dụng những phương tiện bảo vệ cá nhân để tự bảo vệ mình (như khẩu trang, khăn tay, ủng, giày, kính mũ, nút tai, yếm da, dây an... Người sử dụng lao động phải xem xét ngay, kịp thời thực hiện các biện pháp khắc phục hoặc ra lệnh ngừng hoạt động đối với nơi đó cho tới khi nguy cơ...



Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân

Người lao động, không phân biệt công dân Việt Nam hay người nước ngoài, trong mọi thành phần kinh tế, làm những công việc, những nơi có yếu tố nguy hiểm, độc hại đều được người sử dụng lao động trang bị các phương tiện cá nhân cần thiết cho việc phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Người lao động có trách nhiệm sử dụng những phương tiện bảo vệ cá nhân để tự bảo vệ mình (như khẩu trang, khăn tay, ủng, giày, kính mũ, nút tai, yếm da, dây an toàn, mặt nạ phòng độc, mặt nạ có bình oxy, quần áo amiăng, quần áo chống axit, chống phóng xạ, bao phơi...) và có trách nhiệm bảo quản tốt các phương tiện bảo vệ cá nhân được cấp phát.

Người sử dụng lao động có trách nhiệm trang bị cho người lao động các phương tiện bảo vệ cá nhân đúng tiêu chuẩn về chất lượng, quy cách và phải kiểm tra định kỳ để đánh giá lại chất lượng của các phương tiện đó. Người sử dụng lao động phải chịu trách nhiệm về những hậu quả xảy ra do không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các yêu cầu nói trên.

Các nhà sản xuất, nhập khẩu phương tiện bảo hộ cá nhân có trách nhiệm bảo đảm đúng tiêu chuẩn Nhà nước đã ban

hành và phải chịu trách nhiệm về những hậu quả gây ra cho người sử dụng do phương tiện bảo hộ cá nhân không đảm bảo tiêu chuẩn.

Trong thực tế, một số người lao động chưa thấy hết ý nghĩa nên không tích cực sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân, thậm chí có người cho là đeo kính bảo hộ, đeo khẩu trang... thì khó chịu, gò bó. Do đó, quy định này đòi hỏi sự phân đấu của cả người sử dụng lao động và người lao động thì mới đảm bảo thực hiện nghiêm túc.

Khám sức khỏe

Người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe cho người lao động trước khi tuyển dụng lao động, và phải bố trí công việc phù hợp với sức khỏe của người lao động. Người lao động phải tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động (đối với người lao động bình thường ít nhất một lần trong một năm, đối với người làm công việc nặng nhọc, độc hại ít nhất 6 tháng một lần).

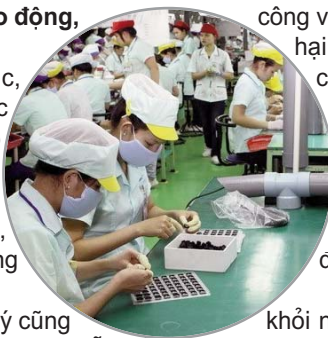
Người lao động phải được điều trị, điều dưỡng chu đáo khi bị tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp.

Người sử dụng lao động phải chịu chi phí cho việc kiểm tra, khám sức khỏe nói trên.

Huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh lao động

Trước khi nhận việc, người lao động phải được huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh lao động ít nhất trong công việc sẽ làm và phải được kiểm tra, huấn luyện bổ sung trong quá trình lao động.

Những nhân viên quản lý cũng phải được huấn luyện và hướng dẫn về những quy định pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động ít nhất trong ngành sản xuất kinh doanh đang hoạt động



Bồi dưỡng bằng hiện vật

Người lao động không phân biệt tính, tuổi tác, nơi làm việc khi làm công việc có yếu tố nguy hại vượt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép thì được hưởng chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật.

Khi áp dụng chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây: Công việc, môi trường có yếu tố, mức độ độc hại như nhau thì mức bồi dưỡng ngang nhau. Hiện vật dùng để bồi dưỡng phải là những loại thực phẩm, hoa quả, nước giải khát... góp phần phục hồi sức khỏe, tăng sức đề kháng của cơ thể, giảm bớt khả năng xâm nhập của chất độc vào cơ thể hoặc giúp cho quá trình thải nhanh chất độc ra ngoài. Cấm trả tiền thay bồi dưỡng bằng hiện vật và việc bồi dưỡng phải được thực hiện tại chỗ theo ca làm việc.

Biện pháp khác

Quy định về thời giờ làm việc hợp lý: Đảm bảo mối quan hệ hợp lý giữa thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi cho người lao động. Áp dụng ngày làm việc rút ngắn đối với một số công việc mà mức độ nguy hiểm, độc hại cao (ví dụ như thợ lặn, người làm việc trong hầm mỏ...). Tùy từng loại

công việc có mức độ nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm mà quy định độ dài của ca làm việc, thời gian nghỉ giữa ca cho phù hợp. Hạn chế hoặc không áp dụng chế độ làm ca đêm, làm thêm giờ đối với một số đối tượng, một số loại công việc mà pháp luật đã quy định.

Quyền từ chối làm việc, rời khỏi nơi làm việc khi thấy xuất hiện nguy cơ: Người lao động có quyền từ chối làm công việc hoặc rời bỏ nơi làm việc khi thấy rõ có nguy cơ đe dọa nghiêm trọng tính mạng hoặc sức khỏe của mình (nhưng phải báo ngay với người phụ trách trực tiếp) mà không coi là vi phạm kỷ luật lao động. Người sử dụng lao động phải xem xét ngay, kịp thời thực hiện các biện pháp khắc phục hoặc ra lệnh ngừng hoạt động đối với nơi đó cho tới khi nguy cơ được khắc phục. Trong thời gian nguy cơ chưa được khắc phục thì không được buộc người lao động tiếp tục làm việc hoặc trở lại nơi làm việc đó.

Phải có các phương án dự phòng xử lý sự cố, cấp cứu: Đối với nơi làm việc dễ gây tai nạn lao động, người sử dụng lao động phải trang bị sẵn những phương tiện kỹ thuật, y tế thích hợp như xe cấp cứu, bình oxy, nước chữa cháy, cang... để đảm bảo ứng cứu kịp thời khi xảy ra sự cố.

Vệ sinh sau khi làm việc: Người lao động làm việc ở những nơi có yếu tố dễ gây nhiễm độc, nhiễm trùng nhất là nơi dễ gây ra tai nạn hóa chất, người làm công việc khâm liệm trong nhà xác, chữa trị những bệnh hay lây... Ngoài phương tiện bảo vệ cá nhân trong khi làm việc, khi hết giờ làm việc phải được thực hiện các biện pháp khử độc, khử trùng, vệ sinh cá nhân như tắm rửa bằng xà phòng, khử độc quần áo và phương tiện dụng cụ tại chỗ theo quy định của Bộ Y tế.

BBT

Phòng tránh bệnh liên quan đến amiăng

Khi tiếp xúc với amiăng hay sản phẩm có chứa amiăng, nhất là sợi amiăng có trong không khí sẽ đi vào cơ thể qua đường miệng, bị mắc kẹt trong phổi và lưu lại trong phổi một thời gian dài. Theo thời gian, những sợi này có thể tích lũy và gây ra sẹo và phát sinh viêm nhiễm, ảnh hưởng đến hô hấp và gây suy giảm sức khỏe.

Theo của Bộ Y tế Mỹ, Cơ quan môi trường (EPA) và Cơ quan Nghiên cứu Quốc tế về Ung thư thì amiăng được phân loại là chất gây ung thư, nếu phơi nhiễm, tiếp xúc amiăng có thể làm tăng nguy cơ ung thư phổi và u trung biểu mô (đây là dạng ung thư hiếm gặp ở các màng mỏng lót ngực và bụng). Tuy hiếm gặp nhưng, u trung biểu mô là hình thức phổ biến nhất của nhóm bệnh ung thư liên quan đến tiếp xúc amiăng. Ngoài ung thư phổi và u trung biểu mô, một số nghiên cứu cũng đã phát hiện thấy mối liên quan giữa tiếp xúc với amiăng và đường tiêu hóa, ung thư đại trực tràng, cũng như nguy bị ung thư cổ họng, thận, thực quản, và túi mật.

Tiếp xúc với amiăng cũng có thể làm tăng nguy cơ mắc bệnh bụi phổi - asbestosis (tình trạng viêm gây ảnh hưởng đến phổi, gây khó thở, ho, và tổn thương phổi vĩnh viễn), ung thư phổi ác tính, rối loạn màng phổi, làm dày màng phổi, tràn dịch màng phổi lành tính (tích tụ bất thường chất lỏng giữa các lớp mô mỏng lót phổi và các vách ngăn khoang ngực). Mặc dù màng phổi không phải là tiền thân của ung thư, nhưng có nhiều bằng chứng cho thấy những người bị bệnh màng phổi do tiếp xúc amiăng có nguy cơ mắc bệnh ung thư phổi rất cao.

Amiăng có mặt trong không khí, nước và đất, nếu tiếp xúc với amiăng đều có thể

bị ảnh hưởng. Những người bị bệnh từ amiăng thường là nhóm người tiếp xúc thường xuyên, nhất là nhóm người mà công việc hằng ngày phải tiếp xúc trực tiếp với các vật liệu có chứa amiăng. Có một số bằng chứng cho thấy, những người tiếp xúc nhiều với amiăng có nguy cơ bị u trung biểu mô cao. Cũng có trường hợp mắc bệnh u trung biểu mô được tìm thấy ở nhóm không tiếp xúc amiăng nghề nghiệp nhưng lại sống gần mỏ amiăng.

Những người đã tiếp xúc (hoặc nghi ngờ đã tiếp xúc) amiăng trong công việc, qua môi trường, hoặc kể cả dùng vật liệu xây dựng trong gia đình nên thông báo cho bác sĩ về lịch sử tiếp xúc cho dù có hoặc không có các triệu chứng. Các triệu chứng của nhóm bệnh liên quan đến amiăng rất đa dạng, cần đi khám nếu có các triệu chứng sau: Khó thở, thở khò khè, hoặc khàn giọng; ho dai dẳng tăng dần theo thời gian; có máu trong đờm (chất lỏng) ho ra từ phổi; đau thắt ngực; khó nuốt; sưng cổ hoặc mặt, mắt cảm giác ngon miệng; giảm cân; mệt mỏi hoặc thiếu máu.

Cần kiểm tra sức khỏe toàn diện, bao gồm chụp X-quang và xét nghiệm chức năng phổi. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý chụp X-quang không thể phát hiện sợi amiăng trong phổi, nhưng lại có tác dụng xác định sớm dấu hiệu của bệnh phổi do tiếp xúc amiăng. Sinh thiết phổi, phát hiện sợi amiăng nhỏ trong mô phổi, đây là thử nghiệm đáng tin cậy nhất để xác nhận chứng bệnh bất thường liên quan đến amiăng. Ngoài ra, có thể nội soi phế quản, xét nghiệm nước tiểu, đờm, hoặc phân... các xét nghiệm này nhằm bổ sung và xác định mức độ amiăng có trong phổi của người bệnh.

Kỹ năng cần biết khi sơ cứu người bị tai nạn lao động

Trong nhiều trường hợp, nếu chúng ta không biết cách sơ cấp cứu kịp thời thì nạn nhân có thể sẽ bị di chứng nặng nề, thậm chí bị tử vong.



Say nắng, say nóng, cảm lạnh: Nạn nhân bị say nắng, say nóng cho nghỉ ngơi ở nơi thoáng mát, uống đủ nước, tắm nước mát, chườm nước mát. Đối với người bị cảm lạnh thì ủ ấm, đặt nơi kín gió, uống nước gừng, tắm nước nóng ở nhiệt độ 40 - 42 độ C, chườm chai nước nóng... Nếu không khỏi thì đưa vào y tế nơi gần nhất.

Nạn nhân bị cụt chi, đứt động mạch (máu đỏ tươi, phụt thành tia) phải đặt garô cầm máu ngay (buộc cầm máu), sau mới xử lý vết thương. Garô có thể bằng dây cao su, dây vải... buộc chặt phía trên vết thương khoảng 3 - 4cm. Dùng que hoặc ngón tay lồng vào dây buộc xoắn cho đến khi máu ngừng chảy là được. Ghi phiếu: họ tên, thời gian đặt garô. Nếu chuyển nạn nhân bị đứt động mạch vào bệnh viện ở xa thì cứ 30 - 40 phút nới garô 1 lần cho đến khi da hồng lên hoặc sau vài ba phút thì buộc lại.

Sát trùng vết thương từ trong ra ngoài theo kiểu xoắn ốc, đặt gạc che kín vết thương, dùng băng thích hợp băng ép lại. Có thể băng theo hình xoắn tròn ốc hoặc theo hình số 8, tùy theo vị trí vết thương mà băng cho hợp lý. Nếu tổn thương nhẹ ta dùng băng dính cũng được (nạn nhân bị lòi ốc cầm gạc ốc đi, bị lòi ruột không được ấn ruột vào).

Nhận biết vị trí gãy đau, biến dạng, không cử động được hoặc thấy máu chảy, xương có thể lòi ra ngoài (gãy hở). Cắt quần áo chỉ gây để nhận biết vị trí bị tổn thương hoặc tháo đường chỉ khâu quần áo. Cầm cơ kéo, nắn thẳng xương bị gãy

mà phải để nguyên hiện trạng và cố định bằng nẹp.

Dùng nẹp tre, gỗ, sắt. Nếu không có những nẹp đó thì có thể dùng cành cây, bìa cactong... Nẹp phải cứng, dài ít nhất bằng xương gãy. Đặt 2 nẹp song song chỉ bị gãy, buộc cố định ở trên và dưới vị trí xương gãy trước, rồi lần lượt cố định các đoạn khác,

trường hợp không có nẹp có thể dùng băng thun bản rộng cuốn lên xuống nhiều vòng cũng được. Động tác phải nhẹ nhàng, cố định chắc chắn. Gãy hở phải băng vết thương trước rồi nẹp cố định sau.

Đối với nạn nhân bị chấn thương cột sống phải cố định trên cáng cứng, phải hết sức thận trọng không sẽ bị đứt tuỷ sống gây liệt.

Bỏng: Dù là bỏng do nhiệt khô, nhiệt ướt hoặc do hoá chất đều xối nước liên tục vào vị trí da bị bỏng, xối nhiều lần. Nếu hoá chất bắn vào mắt thì phải xối nước liên tục và chớp mắt nhiều lần để rửa sạch hóa chất. Bỏng lạnh thì dùng nước ấm.

Điện giật: Nếu bị điện giật mà ngừng tim thì sau 1 phút khả năng cứu sống còn 98%; sau 2 phút thì khả năng cứu sống còn 92%; sau phút thứ 3 thì khả năng cứu sống còn 72%; sau phút thứ 4 thì khả năng cứu sống còn 50%; sau phút thứ 5 thì khả năng cứu sống còn 25%; sau phút thứ 10 thì khả năng cứu sống còn có 1%... Tức là sau phút thứ 5 thì thực tế khả năng cứu sống nạn nhân là không còn trong điều kiện sơ cấp cứu tại hiện trường.

Cấp cứu ngừng tim (ép tim ngoài lồng ngực): Đây là trường hợp dễ xảy ra khi bị điện giật, ngã cao... Khi kiểm tra thấy tim chưa đập thì đâm vào ngực 4 - 5 cái mà vẫn chưa đập thì phải ép tim ngoài lồng ngực.

PHAN TÂM

Thiết kế nơi làm việc an toàn

Nơi làm việc an toàn là nơi tiến hành sản xuất (kinh doanh) mà ở đó nhà xưởng (cửa hàng, kho bãi...), cũng như việc bố trí, lắp đặt máy móc, thiết bị... vừa đảm bảo yêu cầu công nghệ, vừa phải đảm bảo tổng hợp các yêu cầu về độ bền vững, đảm bảo môi trường, điều kiện làm việc an toàn.



❖ Ảnh minh họa

Thực tế hiện nay có rất nhiều nhà xưởng sản xuất trong các cơ sở sản xuất cá thể, hộ gia đình, các tổ hợp sản xuất, hợp tác xã trong các làng nghề còn tạm bợ, tận dụng không gian trong nhà ở, thậm chí nếu có xây dựng xưởng riêng thì cũng còn nhiều hạn chế, bất cập, không chỉ về công năng theo công nghệ sản xuất mà cả những thiếu sót trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy, an toàn điện, an toàn chống sét...

Khi đã thiết kế, xây dựng xong nhà xưởng sản xuất theo hàng loạt các tiêu chí về an toàn, vệ sinh nêu trong các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan thì việc sắp xếp, bố trí máy móc, thiết bị (cũng đã được dự tính trước khi thiết kế nhà xưởng) còn phải đáp ứng hàng loạt các yêu cầu an toàn liên quan đến quan hệ giữa người lao động và máy móc, thiết bị...

Các nguyên tắc chung: Trong quá trình thiết kế, các mối tương tác chủ yếu giữa một hoặc nhiều người và các thành phần của hệ thống làm việc, như các nhiệm vụ, thiết bị, không gian làm việc và môi trường đều cần được quan tâm đến. Quy trình thiết kế hệ thống làm việc có thể được chia thành các giai đoạn như sau: Xác lập mục tiêu và phân tích yêu cầu; phân tích và phân bổ các chức năng; nhận thức thiết kế; thiết kế chi tiết;

Các yêu cầu thiết kế vị trí làm việc: Tránh gánh nặng tĩnh và tư thế làm việc cố

định; giảm rối loạn chấn thương tích lũy; sắp đặt chiều cao làm việc ở 50mm dưới khuỷu tay; trang bị ghế điều chỉnh được; sử dụng thao tác chân thuận lợi (pedal); thao tác lợi dụng lực trọng trường; duy trì động lượng quán tính; tận dụng cử động đồng thời hai tay; sử dụng cử động song song hai tay và kiểm soát bằng mắt; sử dụng cử động xoay ở khuỷu tay; sử dụng tay thuận; lưu ý tầm với của phụ nữ nhỏ bé.

Yêu cầu đối với công cụ và thiết bị:

Tránh gánh nặng vận cơ tĩnh, (lồng vai, khớp khuỷu tay sát thân, góc cánh tay thẳng $90^\circ + - 15^\circ$, giữ thẳng cổ tay...). Tránh sai cổ tay, (sử dụng dụng cụ cong, dùng êtô). Giảm lực nắm đòi hỏi (tay cầm tiết diện tròn, ôvan, đường kính thích hợp, ma sát). Tránh ứng lực tập trung cục bộ ở bàn tay (cán cầm vừa lòng bàn tay, dùng hai ngón tay bật công tắc, tránh thao tác vặn, giật mạnh, làm tròn các cạnh sắc

Quan niệm của bảo hộ lao động cho rằng, máy móc, phương tiện kỹ thuật, thiết bị sản xuất khi đưa vào sử dụng, thì ngoài yêu cầu không được để tồn tại những nguy cơ gây chấn thương, tai nạn, mà còn không được để dẫn đến những căng thẳng quá mức về thể lực và thần kinh tâm lý cho người điều khiển.

NGUYỄN HẢI

Lưu ý khi sử dụng máy móc, thiết bị

Để đảm bảo an toàn, người lao động cần phải được đào tạo, huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động nói chung và các quy trình, nội quy làm việc an toàn đối với từng máy móc, thiết bị cụ thể khi được giao nhiệm vụ vận hành.



Người sử dụng lao động và người lao động phải đặc biệt lưu ý khi phân công và được phân công vận hành các máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, bởi các máy móc, thiết bị này tiềm ẩn những nguy cơ gây ra sự cố, tai nạn lao động rất nghiêm trọng, có thể gây chết người, đổ sụp nhà xưởng, công trình... Danh mục các máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được quy định trong TT 05-2014 BLDTBXH, trong đó có 25 loại thuộc quản lý của Bộ LĐ-TB&XH và các loại thiết bị thuộc diện quản lý của Bộ Quốc phòng. Người lao động vận hành các loại thiết bị này phải được đào tạo chuyên sâu và được cấp thẻ an toàn để được vận hành các máy móc, thiết bị cụ thể.

Sau đây là một số Quy định chung nhằm vận hành an toàn máy móc, thiết bị:

1. Người lao động phải được đào tạo nghề nghiệp đúng với máy, thiết bị mà mình đang sử dụng; được huấn luyện về an toàn lao động và được cấp thẻ an toàn lao động (đối với máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động); được trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp.

2. Đầu ca làm việc, người lao động phải xem nhật ký sử dụng máy, lưu ý những ghi chú mà người sử dụng máy, thiết bị ở ca, kíp trước đã ghi trong đó. Đồng thời quan sát, xem xét, đánh giá tình trạng chỗ làm việc có an toàn thì mới quyết định bắt đầu làm việc.

3. Trước khi sử dụng phải cho máy chạy thử không tải để kiểm tra trạng thái máy, thiết bị.

4. Khi kiểm tra, có hiện tượng khả nghi có thể xảy ra tai nạn hoặc hư hỏng bất thường phải lập tức ngừng máy, báo cho tổ trưởng hoặc người có trách nhiệm đến xem xét, không làm mất dấu vết ban đầu của hiện tượng hư hỏng đó.

5. Các thiết bị máy có bộ phận truyền chuyển động lộ ra ngoài hoặc những máy gia công có phoi kim loại bắn ra nhiều phải được che chắn an toàn. Cấm lau chùi các bộ phận truyền chuyển động khi nó đang hoạt động. Người lao động khi sử dụng máy phải mặc trang bị bảo hộ lao động gọn gàng, đội mũ có bao tóc đối với lao động nữ. Động cơ điện và máy dùng điện phải được nối nối không, nối đất bảo vệ.

6. Người không có trách nhiệm hoặc chưa được huấn luyện kỹ thuật an toàn không được sử dụng máy, thiết bị.

7. Khi đang làm việc, bị mất điện thì phải tắt máy, ngắt cầu dao (cắt nguồn điện vào máy, thiết bị).

8. Những máy, thiết bị đang sửa chữa, hiệu chỉnh phải để biển "Cấm sử dụng" và không đấu điện vào máy.

9. Không sử dụng thiết bị và máy vượt quá thông số kỹ thuật thiết kế.

10. Hết giờ làm việc phải tắt cầu dao điện nguồn, chờ cho máy dừng hẳn mới được dọn dẹp, vệ sinh máy, thiết bị.

11. Ghi chú những hư hỏng, hiện tượng bất thường như tiếng kêu lạ, rung lắc... của máy vào nhật ký sử dụng máy, thiết bị để người vận hành máy ở ca, kíp sau lưu ý.

VĂN KHƯƠNG

Yêu cầu đối với quá trình công nghệ hàn điện

Khi lập quy trình công nghệ hàn cần dự kiến các phương án cơ khí hoá, tự động hoá, đồng thời phải đề ra các biện pháp hạn chế và phòng chống các yếu tố nguy hiểm, có hại đối với người lao động.



hàn làm dây dẫn ngược. Dây dẫn ngược phải được nối chắc chắn với cực nối của nguồn điện.

Với nguồn điện hàn là máy phát một chiều, trước tiên phải cắt mạch nguồn điện một chiều, sau đó cắt mạch nguồn điện xoay chiều cấp cho động cơ máy phát hàn.

Khi tiến hành công việc hàn điện, cần sử dụng các loại thuốc hàn, dây hàn, thuốc bọc que hàn... mà trong quá trình hàn không phát sinh các chất độc hại, hoặc nồng độ chất độc hại phát sinh không vượt quá giới hạn cho phép.

Chỉ được phép cấp điện để hàn hồ quang từ máy phát điện hàn, máy biến áp hàn, máy chỉnh lưu hàn. Cắm cấp điện trực tiếp từ lưới điện động lực, lưới điện chiếu sáng, lưới điện xe điện để cấp cho hàn hồ quang.

Sơ đồ đấu một số nguồn điện hàn để cấp điện cho hàn hồ quang phải đảm bảo sao cho điện áp giữa điện cực và chi tiết hàn khi không tải không vượt quá điện áp không tải của một trong các nguồn điện hàn.

Các máy hàn độc lập cũng như các cụm máy hàn phải được bảo vệ bằng cầu chảy hoặc aptômat ở phía nguồn. Riêng với các cụm máy hàn, ngoài việc bảo vệ ở phía nguồn còn phải bảo vệ bằng aptômat trên dây dẫn chung của mạch hàn và cầu chảy trên mỗi dây dẫn tới từng máy hàn.

Cho phép dùng dây dẫn mềm, thanh kim loại có hình dạng mặt cắt bất kỳ, nhưng đảm bảo đủ tiết diện yêu cầu, các tấm hàn hoặc chính kết cấu được hàn làm dây dẫn ngược nối chi tiết hàn với nguồn điện hàn. Cấm sử dụng đường ống không phải đối tượng hàn làm dây dẫn ngược.

Cấm sử dụng lưới nối đất, nối "không", các kết cấu xây dựng bằng kim loại, các thiết bị công nghệ không phải là đối tượng

hàn làm dây dẫn ngược. Dây dẫn ngược phải được nối chắc chắn với cực nối của nguồn điện.

Trên các cơ cấu điều khiển của máy hàn phải ghi chữ, số hoặc có các dấu hiệu chỉ rõ chức năng của chúng. Tất cả các cơ cấu điều khiển của máy hàn phải được định vị và che chắn cẩn thận để tránh việc đóng (hoặc cắt) sai.

Trong tủ điện hoặc bộ máy hàn tiếp xúc có lắp các bộ phận dẫn điện hở mạng điện áp sơ cấp, phải có khoá liên động để bảo đảm ngắt điện khi mở cửa tủ. Nếu không có khoá liên động thì tủ điện có thể khoá bằng khoá thường, nhưng việc điều chỉnh dòng điện hàn phải do thợ điện tiến hành.

Các máy hàn nối tiếp xúc có quá trình làm chảy kim loại, phải trang bị tấm chắn tia kim loại nóng chảy bắn ra, đồng thời bảo đảm cho phép theo dõi quá trình hàn một cách an toàn.

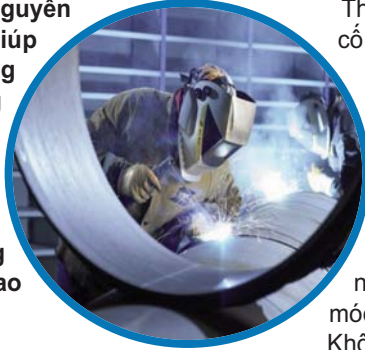
Khi hàn bằng nguồn điện xoay chiều trong điều kiện làm việc đặc biệt nguy hiểm (trong các thể tích bằng kim loại, trong các buồng có mức nguy hiểm cao), phải sử dụng thiết bị hạn chế điện áp không tải để đảm bảo an toàn khi công nhân thay que hàn. Trường hợp không có thiết bị đó cần có những biện pháp an toàn khác.

Nếu không có mái che, khi mưa phải ngừng làm việc...

HUY BÌNH

Phương pháp bảo đảm an toàn lao động trong cơ khí

Sau đây là một số nguyên nhân và phương pháp giúp đảm bảo an toàn lao động trong cơ khí. Hy vọng qua bài viết này, bạn có thể trang bị thêm cho mình các kiến thức cần thiết để bảo vệ bản thân và những người xung quanh trong quá trình lao động sản xuất.



Thiết bị bảo hiểm xảy ra sự cố, hỏng hóc, dẫn đến tai nạn.

Điều kiện vệ sinh kém như tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép, không đủ ánh sáng, hệ thống thông gió không hoạt động...

Vì phạm các quy định, nguyên tắc về sử dụng máy móc, thiết bị an toàn.

Không chấp hành tốt nội quy

nhà xưởng.

Máy móc bị lỗi, hỏng hóc, gây ra nguy hiểm cho người vận hành.

Vị trí lắp đặt của máy móc chưa phù hợp, không đảm bảo các yếu tố vệ sinh an toàn lao động trong công nghiệp.

Người lao động thiếu hiểu biết về các biện pháp an toàn lao động trong cơ khí.

“Gia công cơ khí” chính là một thuật ngữ dùng trong ngành cơ khí, để chỉ toàn bộ các thao tác liên quan đến công nghệ, máy móc hoặc sử dụng những nguyên lý trong vật lý học với mục đích tạo ra các sản phẩm, thiết bị hữu dụng với độ chính xác cao.

Những mối nguy

Để có những biện pháp hiệu quả đảm bảo an toàn lao động trong cơ khí thì trước tiên ta cần phải xác định được những nguy hiểm có thể xảy ra khi thực hiện các công việc liên quan đến gia công cơ khí.

Mỗi nguy hiểm này đến từ chính những thiết bị, vật dụng, phương tiện vận chuyển thường ngày và có thể khiến cho người lao động bị các chấn thương như kẹp, chặt, cán, xuyên thủng, va đập... Mức độ tổn thương của những mối nguy hiểm này gây ra cũng còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau như năng lượng hoạt động của hệ thống và năng lượng của con người khi tai nạn xảy ra.

Tai nạn thường xảy ra và nguyên nhân

Các tai nạn thường xảy ra trong quá trình sản xuất cơ khí có thể kể đến như: bỏng phoi, điện giật, vấp ngã, bị máy cán hoặc bị đâm thủng...

Nguyên nhân dẫn đến những tai nạn này cũng rất nhiều. Dưới đây là một số nguyên nhân chính.

Nguyên tắc vận hành và sửa chữa

Để đảm bảo an toàn lao động trong cơ khí, các doanh nghiệp và người lao động cần thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nguyên tắc sau đây.

Cần tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu, quy định về an toàn vệ sinh lao động, sử dụng các thiết bị, máy móc theo đúng tiêu chuẩn an toàn.

Bố trí các khu vực nhà kho, xưởng sản xuất hợp lý để đảm bảo thuận tiện và an toàn cho người lao động.

Chỉ có người phụ trách mới được phép khởi động máy.

Khi ngừng sản xuất, không được để máy hoạt động mà không có người quản lý.

Cần có các phương tiện, vật dụng bảo hộ khi vận hành máy móc, thiết bị để đảm bảo an toàn.

Che chắn đầy đủ các bộ phận, vị trí nguy hiểm của máy.

MINH TÂM

Trau dồi kỹ năng để giữ việc làm

Theo nhận định của ông Simon Matthews, Tổng Giám đốc ManpowerGroup Việt Nam - Thái Lan và Trung Đông, cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0 cũng mang đến nhiều cơ hội việc làm cho người lao động (NLĐ).



Ông Mạc Văn Tiến, Viện Nghiên cứu tài chính - hợp tác và đầu tư thương mại Đông Nam Á (SEAFIT) cho rằng, cơ cấu lao động có chuyên môn kỹ thuật ở nước ta bất hợp lý ở chỗ "thầy" nhiều hơn "thợ". Trong số 11,39 triệu lao động có chuyên môn kỹ thuật thì có 5,02 triệu người có trình độ đại học trở lên (chiếm 44,1%), cao đẳng có 1,74 triệu người (15,26%), trung cấp 2,89 triệu người (25,39%) và sơ cấp là 1,74 triệu người (15,25%).

Bên cạnh đó, kỹ năng của lao động Việt Nam chưa đáp ứng được yêu cầu: các kỹ năng mềm (làm việc nhóm, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng làm việc trong môi trường đa văn hóa) còn nhiều hạn chế; thiếu các kỹ năng kỹ thuật và kỹ năng làm việc cốt lõi (kỹ năng sử dụng máy tính, internet, ngoại ngữ, tư duy sáng tạo, tính chủ động trong công việc; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng an toàn, tuân thủ kỷ luật lao động; kỹ năng giải quyết vấn đề; quản lý thời gian, kỹ năng tập trung)...

"Đặc biệt, năng suất lao động ở nước ta khá thấp (bằng 1/15 Singapore, 1/5 Malaysia và 2/5 Thái Lan) và chất lượng nguồn nhân lực hạn chế, chỉ đạt 3,79 điểm, xếp thứ 11/12 nước châu Á tham gia

xếp hạng (Ấn Độ: 5,76 điểm; Malaysia: 5,59 điểm; Thái Lan: 4,94 điểm). Đáng ngại hơn, phần lớn NLĐ hiện nay chưa có khái niệm gì về CMCN 4.0", ông Tiến đánh giá.

Bà Nguyễn Thu Trang, Giám đốc Dịch vụ tuyển dụng và Tư vấn nhân sự ManpowerGroup Việt Nam nhận định: "Việc làm chắc chắn sẽ bị tác động bởi ảnh hưởng CMCN 4.0 nhưng không hề u tối như dự đoán rằng tự động hóa sẽ thay thế con người".

Bà Trang lý giải máy móc sẽ thay thế kỹ năng đơn giản, lặp đi lặp lại chứ không thể thay thế con người trên phương diện ra quyết định và linh hoạt trong nhận thức. Do vậy, để tồn tại và phát triển, NLĐ phải tự trau dồi để sở hữu những kỹ năng mà máy móc không thể có, đó là kỹ năng sáng tạo, trí tuệ cảm xúc và linh hoạt trong nhận thức. Đồng thời cũng cần tăng cường khả năng ngoại ngữ, tính chuyên nghiệp, đạo đức nghề nghiệp; nâng cao kỹ năng, trình độ chuyên môn và học thêm nhiều kỹ năng mới, chủ động tham gia các lớp đào tạo của DN hoặc các hội đoàn tổ chức...

Song song đó, các cơ quan chức năng cần nâng cao công tác dự báo cung - cầu nhân lực, đặc biệt là đối với các ngành nghề mới, có xu hướng phát triển để NLĐ nắm bắt. Đối với công tác đào tạo và bồi dưỡng tay nghề, cần chú trọng phát triển kỹ năng ngoại ngữ cho học sinh - sinh viên; phối hợp với DN để đưa ra chương trình đào tạo sát với thực tế nhằm bảo đảm khả năng tìm việc và phát triển bền vững của NLĐ trong kỷ nguyên 4.0.

MAI CHI

Đối tượng áp dụng Luật An toàn, Vệ sinh Lao động

Hỏi: Luật An toàn, Vệ sinh Lao động được Quốc hội thông qua ngày tháng năm nào và ngày có hiệu lực? Đối tượng áp dụng của luật này quy định như thế nào?

BÙI TUYẾT VÂN

(Hai Bà Trưng Hà Nội)

Trả lời: Luật An toàn, Vệ sinh Lao động được Quốc hội thông qua ngày 25/6/2015 và có hiệu lực ngày 1/7/2016. Đối tượng áp dụng gồm có:

1. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; người thủ việc; người học nghề, tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động.



2. Cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

3. Người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động.

4. Người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng; người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

5. Người sử dụng lao động.

6. Cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến công tác an toàn, vệ sinh lao động.

MINH TUYẾT (ghi)

Trách nhiệm của người lao động

Hỏi: Trách nhiệm của người lao động trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc là gì?

NGUYỄN MAI LOAN

(Hà Đông, Hà Nội)

Trả lời: Chấp hành quy định, nội quy, quy trình, yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động của người sử dụng lao động hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành liên quan đến công việc, nhiệm vụ được giao.

Tuân thủ pháp luật và nắm vững kiến thức, kỹ năng về các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc; sử dụng và bảo quản các



phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang cấp, các thiết bị an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc trong quá trình thực hiện các công việc, nhiệm vụ được giao.

Phải tham gia huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động trước khi sử dụng các máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

Ngăn chặn nguy cơ trực tiếp gây mất an toàn, vệ sinh lao động, hành vi vi phạm quy định an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc; báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi biết tai nạn lao động, sự cố hoặc phát hiện nguy cơ xảy ra sự cố, tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp; chủ động tham gia ứng cứu, khắc phục sự cố, tai nạn lao động theo phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp hoặc khi có lệnh của người sử dụng lao động hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

M.TUYẾT (ghi)

An toàn lao động và Vệ sinh lao động

Hỏi: Thế nào là An toàn lao động và Vệ sinh lao động?

PHẠM HOÀNG HÀ
(Hà Nam)

Trả lời: An toàn lao động là giải pháp phòng, chống tác động của các yếu tố nguy hiểm nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động.

Vệ sinh lao động là giải pháp phòng, chống tác động của yếu tố có hại gây bệnh



tật, làm suy giảm sức khỏe cho con người trong quá trình lao động.

Yếu tố nguy hiểm là yếu tố gây mất an toàn, làm tổn thương hoặc gây tử vong cho con người trong quá trình lao động.

Yếu tố có hại là yếu tố gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe con người trong quá trình lao động.

MINH TÂM (ghi)

Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động

Hỏi: Người sử dụng lao động có Quyền và nghĩa vụ gì về an toàn, vệ sinh lao động (VSLĐ)?

TRẦN QUANG HẢI
(Hung Yên)

Trả lời: Người sử dụng lao động có những quyền như yêu cầu người lao động phải chấp hành các nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, VSLĐ tại nơi làm việc; Khen thưởng người lao động chấp hành tốt và kỷ luật người lao động vi phạm trong việc thực hiện an toàn, VSLĐ; Khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật; Huy động người lao động tham gia ứng cứu khẩn cấp, khắc phục sự cố, tai nạn lao động.

Ngoài ra, người sử dụng lao động có nghĩa vụ sau đây:

a) Xây dựng, tổ chức thực hiện và chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong việc bảo đảm an toàn, VSLĐ tại nơi làm việc thuộc phạm vi trách nhiệm của mình cho người lao động và những người có liên quan; đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động;

b) Tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các quy định, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, VSLĐ; trang bị đầy đủ phương tiện, công cụ lao động bảo đảm an toàn, VSLĐ; thực hiện việc chăm



sóc sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; thực hiện đầy đủ chế độ đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động;

c) Không được buộc người lao động tiếp tục làm công việc hoặc trở lại nơi làm việc khi có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động đe dọa nghiêm trọng tính mạng hoặc sức khỏe của người lao động;

d) Cử người giám sát, kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, VSLĐ tại nơi làm việc theo quy định của pháp luật;

đ) Bố trí bộ phận hoặc người làm công tác an toàn, VSLĐ; phối hợp với Ban chấp hành công đoàn cơ sở thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên; phân định trách nhiệm và giao quyền hạn về công tác an toàn, VSLĐ;

e) Thực hiện việc khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, VSLĐ nghiêm trọng; thống kê, báo cáo tình hình thực hiện công tác an toàn, VSLĐ; chấp hành quyết định của thanh tra chuyên ngành về an toàn, VSLĐ;

g) Lấy ý kiến Ban chấp hành công đoàn cơ sở khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, VSLĐ.

VÂN TUYẾT (ghi)

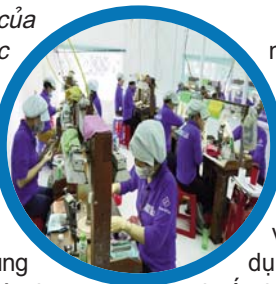
Quyền, trách nhiệm của công đoàn cơ sở

Hỏi: Quyền, trách nhiệm của công đoàn cơ sở trong công tác an toàn, vệ sinh lao động là gì?

TRẦN MINH TÂM

(Vinh Phúc)

Trả lời: Công đoàn cơ sở trong tổ chức, doanh nghiệp có quyền và trách nhiệm sau đây.



1. Tham gia với người sử dụng lao động xây dựng và giám sát việc thực hiện kế hoạch, quy định, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện lao động.

2. Đại diện cho tập thể người lao động thương lượng, ký kết và giám sát việc thực hiện điều khoản về an toàn, vệ sinh lao động trong thỏa ước lao động tập thể; có trách nhiệm giúp đỡ người lao động khiếu nại, khởi kiện khi quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng bị xâm phạm.

3. Đối thoại với người sử dụng lao động để giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động về an toàn, vệ sinh lao động.

4. Tham gia, phối hợp với người sử dụng lao động tổ chức kiểm tra công tác an toàn, vệ sinh lao động; giám sát và yêu cầu người sử dụng lao động thực hiện đúng các quy định về an toàn, vệ sinh lao động; tham gia, phối hợp với người sử dụng lao động điều tra tai nạn lao động và giám sát việc giải quyết chế độ, đào tạo nghề và bố trí công việc cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

5. Kiến nghị với người sử dụng lao động, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, khắc phục hậu quả sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động, tai nạn lao động và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

6. Tuyên truyền, vận động người lao động, người sử dụng lao động thực hiện tốt các quy định của pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc. Phối hợp với người sử dụng lao động tổ chức tập huấn, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho cán bộ công đoàn và người lao động.

7. Yêu cầu người có trách nhiệm thực hiện ngay biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, kể cả trường hợp phải tạm ngừng hoạt động nếu cần thiết khi phát hiện nơi làm việc có nguy cơ gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của người lao động.

8. Tham gia Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Luật này; tham gia, phối hợp với người sử dụng lao động để ứng cứu, khắc phục hậu quả sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động, tai nạn lao động; trường hợp người sử dụng lao động không thực hiện nghĩa vụ khai báo theo quy định tại Điều 34 của Luật này thì công đoàn cơ sở có trách nhiệm thông báo ngay với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Luật này để tiến hành điều tra.

9. Phối hợp với người sử dụng lao động tổ chức các phong trào thi đua, phong trào quần chúng làm công tác an toàn, vệ sinh lao động và xây dựng văn hóa an toàn lao động tại nơi làm việc; quản lý, hướng dẫn hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

10. Những cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa thành lập công đoàn cơ sở thì công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở thực hiện quyền, trách nhiệm quy định tại Điều này khi được người lao động ở đó yêu cầu.

THU HÀ (ghi)

Huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động

Hỏi: Quy định về Huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động trong tổ chức, doanh nghiệp như thế nào?

ĐẶNG THU MAI
(Phú Thọ)

Trả lời: Việc huấn luyện an toàn (HLAT), vệ sinh lao động (VSLĐ) nhằm tránh gây thiệt hại về người, tài sản cho tổ chức, cá nhân trong quá trình lao động được xem là điều kiện bắt buộc, theo đó:

1. Người quản lý phụ trách an toàn, VSLĐ, người làm công tác an toàn, VSLĐ, người làm công tác y tế, an toàn, vệ sinh viên trong cơ sở sản xuất, kinh doanh phải tham dự khóa huấn luyện an toàn, VSLĐ và được tổ chức huấn luyện an toàn, VSLĐ



cấp giấy chứng nhận sau khi kiểm tra, sát hạch đạt yêu cầu.

Trường hợp có thay đổi về chính sách, pháp luật hoặc khoa học, công nghệ về an toàn, VSLĐ thì phải được huấn luyện, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng về an toàn, VSLĐ.

2. Người sử dụng lao động tổ chức huấn luyện cho người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, VSLĐ và cấp thẻ an toàn trước khi bố trí làm công việc này.

3. Người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động phải được huấn luyện về an toàn, VSLĐ khi làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, VSLĐ và được cấp thẻ an toàn. **HẢI BÌNH (ghi)**

Bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động nơi làm việc

Hỏi: Với người lao động trách nhiệm thế nào trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc?

Hoàng Thanh Hà
(Thanh Trì, Hà Nội)

Trả lời: Người lao động có trách nhiệm sau đây.

1. Chấp hành quy định, nội quy, quy trình, yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động của người sử dụng lao động hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành liên quan đến công việc, nhiệm vụ được giao.

2. Tuân thủ pháp luật và nắm vững kiến thức, kỹ năng về các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc; sử

dụng và bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang cấp, các thiết bị an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc trong quá trình thực hiện các công việc, nhiệm vụ được giao.

3. Phải tham gia huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động trước khi sử dụng các máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

4. Ngăn chặn nguy cơ trực tiếp gây mất an toàn, vệ sinh lao động, hành vi vi phạm quy định an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc; báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi biết tai nạn lao động,

sự cố hoặc phát hiện nguy cơ xảy ra sự cố, tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp; chủ động tham gia ứng cứu, khắc phục sự cố, tai nạn lao động theo phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp hoặc khi có lệnh của người sử dụng lao động hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

BÍCH HOA (ghi)



Khám sức khỏe và điều trị bệnh nghề nghiệp

Hỏi: Việc khám sức khỏe và điều trị bệnh nghề nghiệp cho người lao động có được xem là quy định bắt buộc?

VŨ NINH GIANG
(Thừa Thiên - Huế)

Trả lời: Dưới đây được xem là quy định bắt buộc.

1. Hằng năm, người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe ít nhất một lần cho người lao động; đối với người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, người lao động là người khuyết tật, người lao động chưa thành niên, người lao động cao tuổi được khám sức khỏe ít nhất 6 tháng một lần.

2. Khi khám sức khỏe theo quy định tại khoản 1 Điều này, lao động nữ phải được khám chuyên khoa phụ sản, người làm việc trong môi trường lao động tiếp xúc với các yếu tố có



nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp phải được khám phát hiện bệnh nghề nghiệp.

3. Người sử dụng lao động tổ chức khám sức khỏe cho người lao động trước khi bố trí làm việc và trước khi chuyển sang làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hơn hoặc sau khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đã phục hồi sức khỏe, tiếp tục trở lại làm việc, trừ trường hợp đã được Hội đồng y khoa khám giám định mức suy giảm khả năng lao động.

4. Người sử dụng lao động tổ chức khám sức khỏe cho người lao động, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp tại cơ

sở khám bệnh, chữa bệnh bảo đảm yêu cầu, điều kiện chuyên môn kỹ thuật.

5. Người sử dụng lao động đưa người lao động được chẩn đoán mắc bệnh nghề nghiệp đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện chuyên môn kỹ thuật để điều trị theo phác đồ điều trị bệnh nghề nghiệp do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định.

6. Chi phí cho hoạt động khám sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, điều trị bệnh nghề nghiệp cho người lao động do người sử dụng lao động chi trả quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này được hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và hạch toán vào chi phí hoạt động thường xuyên đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp không có hoạt động dịch vụ. **THU HIỂN (ghi)**

Quy định nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

Hỏi: Nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được quy định thế nào?

NGUYỄN THỊ NGUYỆT (Hà Nội)

Trả lời: Nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được phân loại căn cứ vào đặc điểm, điều kiện lao động đặc trưng của mỗi nghề, công việc. Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH ban hành Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng

nhọc, độc hại, nguy hiểm sau khi có ý kiến của Bộ Y tế; quy định tiêu chuẩn phân loại lao động theo điều kiện lao động. Người sử dụng lao động thực hiện đầy đủ các chế độ

bảo hộ lao động và chăm sóc sức khỏe đối với người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật.

LAN HOA (ghi)



Trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân

Hỏi: Người lao động làm công việc có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại có được người sử dụng lao động trang cấp đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân không?

PHẠM VŨ (Lâm Đồng)

Trả lời: Người lao động làm công việc có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại được người sử dụng lao động trang cấp đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân và phải sử dụng trong quá trình làm việc. Người sử dụng lao động thực hiện các giải pháp về công nghệ, kỹ thuật, thiết bị để loại trừ hoặc hạn chế tối đa yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và cải thiện điều kiện lao động.

Người sử dụng lao động khi thực hiện trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân phải



bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Đúng chủng loại, đúng đối tượng, đủ số lượng, bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

b) Không phát tiền thay cho việc trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân; không buộc người lao động tự mua hoặc thụ tiền của người lao động để mua phương tiện bảo vệ cá nhân;

c) Hướng dẫn, giám sát người lao động sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân;

d) Tổ chức thực hiện biện pháp khử độc, khử trùng, tẩy xạ bảo đảm vệ sinh đối với phương tiện bảo vệ cá nhân đã qua sử dụng ở những nơi dễ gây nhiễm độc, nhiễm trùng, nhiễm xạ.

VŨ MAI (ghi)

Điều kiện hưởng chế độ tai nạn lao động

Hỏi: Điều kiện hưởng chế độ tai nạn lao động của người lao động như thế nào?

PHÚ VINH (Đà Nẵng)

Trả lời: Người lao động tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được hưởng chế độ tai nạn lao động khi có đủ các điều kiện sau đây.

1. Bị tai nạn thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tại nơi làm việc và trong giờ làm việc, kể cả khi đang thực hiện các nhu cầu sinh hoạt cần thiết tại nơi làm việc hoặc trong giờ làm việc mà Bộ luật Lao động và nội quy của cơ sở sản xuất, kinh doanh cho phép, bao gồm nghỉ giải lao, ăn giữa ca, ăn bồi dưỡng hiện vật, làm vệ sinh kinh nguyệt, tắm rửa, cho con bú, đi vệ sinh;

b) Ngoài nơi làm việc hoặc ngoài giờ làm việc khi thực hiện công việc theo yêu cầu của người sử dụng lao động hoặc người được người sử dụng lao động ủy quyền bằng văn bản trực tiếp quản lý lao động;

c) Trên tuyến đường đi từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc từ nơi làm việc về nơi ở trong khoảng thời gian và tuyến đường hợp lý;

2. Suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do bị tai nạn quy định tại khoản 1 Điều này;

3. Người lao động không được hưởng chế độ do Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp chi trả nếu thuộc một trong các nguyên nhân quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này.

PHẠM VŨ (ghi)



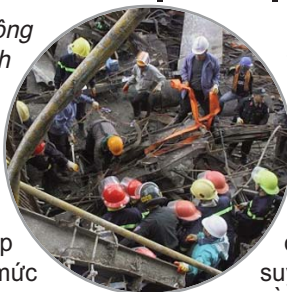
Trợ cấp cho người LĐ chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Hỏi: Trường hợp người lao động chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thì được trợ cấp như thế nào?

TRẦN HUY THẮNG
(Hải Phòng)

Trả lời: Thân nhân người lao động được hưởng trợ cấp một lần bằng ba mươi sáu lần mức lương cơ sở tại tháng người lao động bị chết và được hưởng chế độ tử tuất theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội khi thuộc một trong các trường hợp sau đây.

1. Người lao động đang làm việc bị chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;



2. Người lao động bị chết trong thời gian điều trị lần đầu do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

3. Người lao động bị chết trong thời gian điều trị thương tật, bệnh tật mà chưa được giám định mức suy giảm khả năng lao động.

Hồ sơ hưởng chế độ tử tuất trong trường hợp người lao động bị chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 111 của Luật bảo hiểm xã hội.

LÊ NAM (ghi)

Hồ sơ hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Hỏi: Hồ sơ hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp gồm có những gì và nộp tại đâu?

NGUYỄN THU NA
(Phú Thọ)

Trả lời: Hồ sơ hưởng chế độ tai nạn lao động gồm có giấy tờ như sổ bảo hiểm xã hội; giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án sau khi đã điều trị tai nạn lao động đối với trường hợp nội trú; biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng giám định y khoa; văn bản đề nghị giải quyết chế độ tai nạn lao động theo mẫu do Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành sau khi thống nhất ý kiến với Bộ LĐ-TB&XH.

Hồ sơ hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp gồm có



giấy tờ như sổ bảo hiểm xã hội; giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án sau khi điều trị bệnh nghề nghiệp; trường hợp không điều trị nội trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thì phải có giấy khám bệnh nghề nghiệp; biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng giám định y khoa; trường hợp bị nhiễm HIV/AIDS do tai nạn rủi ro nghề nghiệp thì thay bằng Giấy chứng nhận bị nhiễm HIV/AIDS do tai nạn

rủi ro nghề nghiệp; văn bản đề nghị giải quyết chế độ bệnh nghề nghiệp theo mẫu do Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành sau khi thống nhất ý kiến với Bộ LĐ-TB&XH.

Hồ sơ này người sử dụng lao động cho cơ quan bảo hiểm xã hội trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; trường hợp không giải quyết thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

NAM LÊ (ghi)

❖ Diễn đàn đối thoại khởi nghiệp và việc làm.

Chiều ngày 10/12, tại Hà Nội, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (LĐ-TBXH) phối hợp với Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tổ chức Diễn đàn đối thoại “Khởi nghiệp, việc làm”. Diễn đàn đối thoại tập trung trao đổi các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp



nhằm giúp thanh niên xác định hướng phát triển phù hợp với năng lực và điều kiện của bản thân; công tác giáo dục nghề nghiệp; góp phần nâng cao hiệu quả công tác phát triển nguồn nhân lực hiện nay. Các đại biểu đã tập trung vào các vấn đề: Định hướng nghề nghiệp, thông tin thị trường lao động, giải quyết việc làm, chính sách hỗ trợ xuất khẩu lao động và hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp. Hầu hết các ý kiến đối thoại đều thẳng thắn và trực tiếp, liên quan đến thanh niên Việt Nam hiện nay về vấn đề hướng nghiệp, học nghề, việc làm, vay vốn và hỗ trợ khởi nghiệp. **T.THUY**

❖ Người lao động được chốt sổ bảo hiểm xã hội tại thời điểm đã đóng.

Theo BHXH Việt Nam, đối với các doanh nghiệp nợ tiền đóng BHXH, nếu người lao động đủ điều kiện hưởng BHXH hoặc chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc thì doanh nghiệp có trách nhiệm đóng đủ BHXH, bảo hiểm thất nghiệp... bao gồm cả tiền lãi chậm đóng theo quy định, cơ quan BHXH xác nhận sổ BHXH để kịp thời giải quyết chế độ BHXH cho người lao động. Trường hợp doanh nghiệp chưa đóng đủ thì xác nhận sổ BHXH theo nguyên tắc người lao động đóng tới thời điểm nào, xác nhận sổ tới thời điểm đó và người lao động

cầm sổ đó để tiếp tục tham gia hoặc bảo lưu thời gian đóng. Đặc biệt, sau khi doanh nghiệp đóng khoản tiền nợ thì sẽ xác nhận bổ sung tiếp theo cho người lao động vào sổ BHXH. Bên cạnh đó, BHXH



Việt Nam lưu ý khi người lao động dừng đóng BHXH tại một đơn vị và muốn chốt sổ tại đơn vị đó thì chỉ cần kê khai theo mẫu của cơ quan BHXH, sau đó gửi cho đơn vị kê khai, rồi chuyển cho cơ quan BHXH. Cơ quan BHXH trên cơ sở đó sẽ xác nhận sổ cho người lao động. **M.T**

❖ Hợp tác quốc gia Việt Nam - ILO về việc làm bền vững giai đoạn 2017 – 2021.

Chiều 5/12, tại Hà Nội diễn ra Lễ ký kết Chương trình hợp tác quốc gia Việt Nam – ILO về việc làm bền vững giai đoạn 2017-2021. Theo đó, chương trình hợp tác quốc gia về việc làm bền vững được ILO triển khai được 2 chu kỳ. Trong giai đoạn đầu 2006 -2010 và giai đoạn 2012 - 2016, ILO đã huy động nguồn kinh phí hỗ trợ lên tới gần 55 triệu USD, góp phần hỗ trợ hiệu quả cho các mục tiêu của Việt Nam về lao động, việc làm và an sinh xã hội. Với 3 nội dung trên, các bên sẽ cùng phối hợp thực hiện để phấn đấu đạt 9 chỉ tiêu đề ra. **H.H**





❖ Đối thoại chính sách, pháp luật về An toàn vệ sinh lao động.

Ngày 15/12/2017, tại Hà Nội,

Hội đồng quốc gia về An toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) đã tổ chức đối thoại chính sách, pháp luật về ATVSLĐ năm 2017. Cuộc đối thoại là một diễn đàn mở để các bên có liên quan bao gồm các đơn vị quản lý nhà nước, đại diện người lao động và sử dụng lao động đóng góp và trao đổi ý kiến trong việc thực thi và hoàn thiện pháp luật về An toàn vệ sinh lao động. Bên cạnh đó, Đối thoại sẽ góp phần tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa các bên tham gia và nâng cao hiểu biết về pháp luật ATVSLĐ. **ML**



Nghị, Giám đốc Sở LĐ-TB&XH tỉnh Điện Biên cho biết: Toàn tỉnh hiện có hơn 970 doanh nghiệp đang hoạt động, sản xuất kinh doanh với trên 39.800 lao động.

Trong đó, 90% là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, chủ yếu ở các lĩnh vực khai khoáng, xây dựng, thương mại và dịch vụ. Thời gian qua, công tác tuyên truyền, huấn luyện về ATVSLĐ, đặc biệt là phòng, chống cháy nổ (PCCN) được các sở, ban, ngành và địa phương chú trọng thực hiện. Hằng năm, Sở LĐ-TB&XH thường xuyên triển khai Tuần lễ Quốc gia về ATVSLĐ - PCCN; phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức tuyên truyền về ATVSLĐ - PCCN tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh. Đồng thời, mở các lớp huấn luyện về ATVSLĐ và nghiệp vụ PCCN cho người sử dụng lao động, người làm công tác ATVSLĐ. **MAI PHƯƠNG**



❖ Giảm phí thẩm định kinh doanh dịch vụ kiểm định an toàn lao động.

Bộ Tài chính vừa ban hành Thông tư 110/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Biểu mức thu phí thẩm định điều kiện kinh doanh trong hoạt động

kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động ban hành kèm theo Thông tư số 245/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính. Cụ thể, theo Thông tư 110/2017/TT-BTC, giảm mức phí cấp mới, cấp gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động từ 16 triệu đồng/lần xuống mức 15 triệu đồng/lần. Mức phí cấp lại khi bổ sung lĩnh vực hoạt động giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động được giảm từ 5,5 triệu đồng/lần xuống còn 5 triệu đồng lần... **T.T**

❖ Trao giải hội thi vẽ tranh cổ động an toàn lao động.

Chiều 10/11, Liên đoàn lao động TPHCM đã tổng kết trao giải hội thi vẽ tranh cổ động về công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ (AT-VSLĐ-PCCN). Theo đó, Ban tổ chức đã trao giải nhất tranh vẽ bằng kỹ thuật máy tính cho thí sinh Đặng Thị Lệ Thơ (Trường THCS Lạc Hồng, quận 10, TPHCM). Giải nhất nội dung tranh vẽ tay được trao cho tác giả Yến Mai - Phương Anh (Trung tâm Ngoại ngữ Tân Văn, Công đoàn Giáo dục TP). Ban tổ chức còn trao giải cho 20 thí sinh có tác phẩm xuất sắc và 1 giải phong trào. **T.L**



❖ Đảm bảo an toàn vệ sinh lao động tại các doanh nghiệp. Ông Trần Thanh